TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lương Thanh Hải

2. Ông: Trương Văn Dũng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Hải Vân -Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa*:

Ông: Hà Văn Quyền- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 về: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Công Th1, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn V, xã Ái Th, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Th trình bày: Chị và anh Th1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Th, huyện B, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/12/2002. Hôn nhân diễn ra bình thường, quá trình chung sống do khó khăn về kinh tế nên anh Th1 đi làm trong miền Nam, thời gian đầu còn hay về với vợ con, do xa cách về địa lý nên tình cảm dần phai nhạt, vợ chồng không còn thấy hạnh phúc, mâu thuẫn nảy sinh nên đôi khi cũng có tranh

cãi, từ năm 2017 anh Th1 đi thì không về chung sống với mẹ con chị nữa, mỗi khi gia đình có việc anh mới về, thăm bố mẹ và con sau lại đi. Chị xét thấy vợ chồng nhưng không cùng xây dựng gia đình, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trương Thế Kh, sinh ngày 14/11/2003. Hiện nay cháu Kh đã thành niên và đi làm nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh Th1 đến tòa để làm bản tự khai nhưng anh Th1 vắng mặt nên không có lời khai của anh Th1 trong hồ sơ vụ án. Chị Th đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh Th1 không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Th1. Anh Th1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản làm việc và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ các điều 227, 228, 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt chị Th và anh Th1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trương Công Th1.

Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 01 con chung là Trương Thế Kh, sinh ngày 14/11/2003 đã thành niên nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Th và anh Th1 đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được tống đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Th và anh Th1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ái Th, huyện B, tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng dần phai nhạt về tình cảm, không còn yêu thương nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị Th được ly hôn với anh Th1.

4] Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 01 con chung là Trương Thế Kh, sinh ngày 14/11/2003 đã thành niên nên miễn xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trương Công Th1.

Về con chung: Chị Th và anh Th1 có 01 con chung là Trương Thế Kh, sinh ngày 14/11/2003 đã thành niên nên miễn xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: AA/2022/0002048 ngày 03/7/2023. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Ái Th;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Vũ Văn Nga